

*T, ngày 17 tháng 3 năm 2021*

Số: 01/2021/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 3 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 05/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần A

Địa chỉ trụ sở chính: Số xxx Nguyễn Thị Minh K, phường xxx, quận xxx, TP. H

Địa chỉ liên hệ: Tầng xxx, số xxx Phan Chu T, Phan Chu T, quận H, TP. H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh T – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị T – Chuyên viên Xử lý nợ 3 –  
Phòng quản lý nợ

Người được ủy quyền: Bà Phan Thị Thu H

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1974 và chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1974

Trú tại: Thôn N, xã N, huyện T, H

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị T xác nhận còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần A tính đến ngày 09/03/2021 tổng số tiền là **569.093.402** đồng (*Năm trăm sáu mươi chín triệu, không trăm chín mươi ba nghìn, bốn trăm linh hai đồng*), nợ gốc là **265.700.000** đồng (*Hai trăm sáu mươi lăm triệu, bảy trăm nghìn đồng*), nợ lãi trong hạn là **80.047.791** đồng (*Tám mươi triệu, không trăm bốn mươi bảy nghìn, bảy trăm chín mươi một đồng*), nợ lãi quá hạn là **216.676.569** đồng (*Hai trăm mười sáu triệu, sáu trăm bảy mươi sáu nghìn, năm trăm sáu mươi chín đồng*), phạt chậm trả là **6.669.042** đồng (*Sáu triệu, sáu trăm sáu mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi hai đồng*) theo các Hợp đồng tín dụng số THT.CN.176.101016 ngày 11/10/2016 và khế ước nhận nợ số 01, tài khoản vay 225023159 ngày 13/10/2016; Hợp đồng tín dụng số THT.CN.888.110517 ngày 12/5/2017 và khế ước nhận nợ số 01, tài khoản vay 237936919 ngày 12/5/2017; Hợp đồng tín dụng số THT.CN.691.160318 ngày 16/3/2018 và Khế ước nhận nợ số 01, tài khoản vay 258338519 ngày 16/3/2018; Hợp đồng tín dụng số THT.CN.687.160318 ngày 16/3/2018 và Khế ước nhận nợ, tài khoản vay 280133589 ngày 14/3/2019;

- Anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị T đồng ý trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A và hai bên thống nhất lập lộ trình trả nợ như sau:

+ Từ tháng 03/2021 đến tháng 11/2021, mỗi tháng trả tối thiểu 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) vào dư nợ gốc, thời điểm trả nợ là ngày làm việc cuối cùng của tháng;

+ Chậm nhất đến ngày 31/12/2021 thanh toán toàn bộ gốc còn lại và lãi phát sinh.

- Kể từ ngày 10/03/2021, anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị T vẫn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số THT.CN.176.101016 ngày 11/10/2016 và khế ước nhận nợ số 01, tài khoản vay 225023159 ngày 13/10/2016; Hợp đồng tín dụng số THT.CN.888.110517 ngày 12/5/2017 và khế ước nhận nợ số 01, tài khoản vay 237936919 ngày 12/5/2017; Hợp đồng tín dụng số THT.CN.691.160318 ngày 16/3/2018 và Khế ước nhận nợ số 01, tài khoản vay 258338519 ngày 16/3/2018; Hợp đồng tín dụng số

THT.CN.687.160318 ngày 16/3/2018 và Khế ước nhận nợ, tài khoản vay 280133589 ngày 14/3/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Trường hợp, anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị T vi phạm bất kỳ một kỳ thanh toán nào về thời hạn và số tiền thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 74, tờ bản đồ số 03, diện tích 105m<sup>2</sup> tại thôn N, xã N, huyện T, TP. H, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 942549, số vào sổ cấp GCN: 000484/NK do UBND huyện T, H cấp ngày 17/10/2011 đứng tên anh Nguyễn Hữu T theo Hợp đồng thế chấp tài sản số THT.BĐCN.533.280317 ngày 07/4/2017 số công chứng 2353.17 quyền số 02/TP/CC/SCC/HĐGD được lập tại Phòng công chứng số 1 H và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai H – chi nhánh huyện T ngày 07/4/2017 để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Trong trường hợp số tiền phát mại từ tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A thì anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

- **Về án phí:** Anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị T phải nộp **13.382.000** đồng (*Mười ba triệu, ba trăm tám mươi hai nghìn đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần A **12.795.000** đồng (*Mười hai triệu, bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí AA/2018/0012610 ngày 11/01/2021 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Trung Hòa**